

“thế”/ “vậy” dưới góc độ thực hành tiếng Việt

Lê Thị Minh Hằng¹

Tóm tắt

Đại từ nói chung và THẾ/VẬY nói riêng, là một nhóm từ không lớn xét về mặt số lượng, nhưng chúng thực hiện chức năng quan trọng đặc biệt, đó là chức năng hồi chỉ những điều đã được nói đến trong phát ngôn trước đó cũng như trực chỉ những sự kiện hay sự việc có thực trong thực tế. Vì lẽ đó, chúng được sử dụng một cách thường xuyên, với tần số cao hàng đầu.

Trong việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, đại từ là một hệ thống tương đối khó nắm bắt nhất đối với người nước ngoài, đặc biệt khi cần sử dụng để liên kết câu. Trong bài viết này chúng tôi sẽ miêu tả THẾ/VẬY dưới hai góc độ: THẾ/VẬY dùng để hồi chỉ cái đã đề cập trước đó trong văn bản và THẾ/VẬY dùng để chỉ cái đã biết trong thực tế. Thông qua việc miêu tả, chúng tôi cũng nhằm đến việc phân biệt THẾ/VẬY với những đại từ hồi chỉ khác.

Chúng tôi hy vọng rằng những điều trình bày trong bài viết sẽ cung cấp cho sinh viên học tiếng Việt những hiểu biết nhất định để viết đúng một câu, một đoạn câu tiếng Việt và xa hơn nữa là giúp họ viết được những văn bản hoàn chỉnh.

Trong việc tiếp nhận tiếng Việt như một ngoại ngữ, đại từ là một hệ thống khó nắm bắt đối với người nước ngoài, đặc biệt là các đại từ có cách sử dụng đa dạng như thế/vậy. Trong bài viết này chúng tôi sẽ phân tích thế/vậy dưới góc độ thực hành tiếng, nghĩa là trình bày các biểu hiện hình thức của nó để từ đó rút ra những nhận xét có tính nguyên tắc trong việc dạy tiếng. Chúng tôi tiếp cận thế/vậy theo hai hướng: thế/vậy dùng trong liên kết câu (hồi chỉ cái đã đề cập trước đó trong văn bản) và thế/vậy dùng trong liên kết tình huống (chỉ cái đã biết trong tình huống thực tế mà không có mặt trong văn bản).

Từ khoá: đại từ, thực hành tiếng Việt

¹ TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

A. THẾ/VẬY TRONG LIÊN KẾT CÂU

Trong một văn bản hoàn chỉnh, các câu liên kết với nhau bằng các phương tiện liên kết. Các phương tiện liên kết này, tùy vào chức năng, được các nhà ngữ học phân chia thành các nhóm như nhóm hồi chỉ, nhóm khứ chỉ, nhóm liên từ cấp câu [1: 191]. *Thế/vậy* là hai đại từ thuộc nhóm hồi chỉ, thường được sử dụng để thay cho một thành phần câu, một câu, thậm chí thay cho cả đoạn văn trước đó.

Hồi chỉ (anaphora) là chỉ những gì đã được phát ngôn ở lượt lời (của một trong hai bên giao tiếp) hoặc những gì đã được thể hiện ở văn cảnh đi trước. Trong tiếng Việt, từ ngữ hồi chỉ phần lớn do các yếu tố chỉ xuất (demonstrative) đảm nhiệm, bao gồm đại từ và tính từ². Về hình thức, trong khi đa số đại từ khác chỉ có thể thay thế cho một danh từ hay danh ngữ để hồi chỉ chẳng hạn một nhân/vật (*nó, hắn, y*), một vị trí/không gian (*đấy, đó*), thì *thế/vậy* có khả năng thay thế rộng nhất, và phạm vi hồi chỉ của nó cũng rất đặc thù.

1. *Thế/Vậy* thay cho phần thuyết

Trước hết chúng ta hãy xét trường hợp hồi chỉ “điển hình” nhất của *thế/vậy*, trong đó *thế/vậy* thay thế cho một ngữ vị từ (bao gồm vị từ và bổ ngữ của nó) đóng vai trò thuyết của câu. Ví dụ:

(1) A: – Tôi rất thích ngắm cảnh mặt trời lặn.

B: – Tôi cũng *thế/vậy*. (= Tôi cũng “rất thích ngắm cảnh mặt trời lặn”)

(2) A: – Tôi nghĩ là anh ấy sẽ không đến.

B: – Tôi cũng *thế/vậy*. (= Tôi cũng “nghĩ là anh ấy sẽ không đến”)

(3) A: – Tối hôm qua nóng quá nhỉ!

B: – Tối hôm nay chắc cũng *vậy*! (= Tối hôm nay chắc cũng “nóng quá”)

² Do dạng thức không thay đổi, và do khái niệm từ loại vẫn là một khái niệm gây tranh cãi, tính từ chỉ xuất thường bị nhầm lẫn với đại từ chỉ xuất. Gọi là tính từ chỉ xuất trong chừng mực nó đóng vai trò định ngữ cho một danh từ trong khi thực hiện chức năng chỉ xuất của nó.

Trong các trường hợp trên, *thế/vậy* hỏi chỉ một hành động, thuộc tính, trạng thái, quá trình được diễn đạt bằng ngữ đoạn mà nó thay thế. Nghĩa là nó chỉ ra một sự tương ứng về hành động, thuộc tính, trạng thái, quá trình giữa các nhân vật, hiện tượng, cảnh huống khác nhau (được diễn đạt bằng đề hoặc khung đề). Do sự tương ứng đó mà sự có mặt của vị từ *cũng* là cần thiết.

Có thể xem khả năng hành chức này của *thế/vậy* là một trường hợp điển hình, bởi vì (i) trong khi thực hiện chức năng hỏi chỉ, *thế/vậy* không thực hiện chức năng đánh dấu ngữ nghĩa, nghĩa là về cơ bản nó không đem lại một ý nghĩa nào khác với nội dung của thành phần mà nó thay thế; (ii) *thế/vậy* có thể thay thế (và hỏi chỉ) cho phần thuyết của phát ngôn trước bất kể phần thuyết đó có cấu tạo như thế nào – nghĩa là đó có thể là một vị từ (hành động, quá trình, tư thế, tính chất), một vị từ tình thái, một hệ từ (*là*), và một ngữ đoạn danh từ. Thêm một vài ví dụ:

- (4) a. *Chị không nói gì một lúc lâu. Người đàn ông kia cũng vậy.* (= *cũng “không nói gì một lúc lâu”*)
 b. *Anh không nhớ cô ấy à? Tôi cũng vậy.* (= *cũng “không nhớ cô ấy”*)
 c. *Anh chồng mới 30 tuổi. Cô vợ cũng vậy.* (= *cũng “mới 30 tuổi”*)
 d. *Bố nó là cảnh sát. Mẹ nó cũng vậy.* (= *cũng “là cảnh sát”*)
 e. *Chị người Hà Nội à? Tôi cũng vậy.* (*cũng “người Hà Nội”*)

Ở các câu trên, *thế/vậy* hỏi chỉ phần thuyết, cho nên nó tương ứng với phần thuyết của câu trước. Ở (1B), (2B), (3B), sự tương ứng của phần thuyết diễn ra khi nói về một đề hay khung đề chuyển đổi (nhân vật B chứ không phải A, “tối hôm nay” chứ không phải “tối hôm qua”), do vậy vị từ tình thái *cũng* đóng vai trò tác tố thể hiện sự tương ứng đó. Thử xét một trường hợp khác:

- (5) a. *Chị ngồi lui ra sau như xưa nay vẫn vậy.* (= *vẫn “ngồi lui ra sau”*)
 b. *Khi còn độc thân, hẳn tụi nậu ăn lầy. Thì bây giờ hẳn vẫn vậy.* (= *vẫn “tụi nậu ăn lầy”*)

Khác với các câu (1) - (4), ở (5) sự tương ứng của phần thuyết diễn ra khi nói về cùng một đề (“chị” ở (5a), và “hắn” ở (5b)), nghĩa là ở đây chỉ có sự chuyển dời về mặt cảnh hướng (thời gian, không gian), do vậy tác tố thường dùng là vị từ tình thái *vẫn* - biểu hiện sự tiếp tục hoặc không thay đổi của một sự tình. Đây chính là một trong những đặc trưng ngữ nghĩa của *vẫn* trong sự đối lập với *cũng*. (Cần nói thêm rằng sự có mặt của *cũng* và *vẫn* trong những trường hợp như trên là một sự đảm bảo cần thiết về mặt ngữ pháp, nên giải thuyết nó là vị từ tình thái có phần hợp lý hơn là “phó từ”).

Về mặt ngữ pháp, khi hỏi chỉ nội dung phần thuyết ở phát ngôn trước, *thế/vậy* thay thế cho thành phần tương ứng với sự trợ giúp của một vị từ tình thái như đã nói; nhưng có không ít trường hợp – nhất là với các vị từ biểu thị những hành động, quá trình cụ thể – *thế/vậy* lại kết hợp với các vị từ có nghĩa khái quát hơn vị từ trung tâm của phần thuyết mà nó thay thế. Các vị từ này có thể là *làm*, *xử sự*, *giải quyết*, *tính toán*, *hành động*, *đối xử*, v.v. [1: 197].

- (6) a. *Như má liệu được thì con vâng lời, con đâu dám cãi. Con **làm** như vậy đừng trả ơn cho nó luôn thế.*

(Hồ Biểu Chánh - Cha con nghĩa nặng)

- b. *Bạ ai anh cũng đùa. Anh **xử sự** như thế coi sao được?*

(Dẫn theo Cao Xuân Hạo [1: 198])

Trên thực tế khó có thể liệt kê tất cả những vị từ khái quát như thế, vì điều này hoàn toàn tùy thuộc vào ngữ nghĩa của các vị từ hành động cụ thể ở phát ngôn trước. Chẳng hạn: “Cô ấy đánh phẩn..., kẻ mắt..., tô môi...” → “Cô ấy *trang điểm* như vậy...” (“*trang điểm*” khái quát hơn “đánh phẩn”, “kẻ mắt”, “tô môi”); “Anh ấy kê cái bàn..., đặt cái máy tính..., để mấy cuốn sách...” → “Anh ấy *sắp xếp* như vậy...” (“*sắp xếp*” khái quát hơn “đặt”, “kê”, “để”), v.v.. Nói chung, đây là một hiện tượng thể hiện cách thức phản ánh thực tại của người Việt, có ý nghĩa ứng dụng quan trọng trong việc dạy tiếng.

2. *Thế/Vậy* thay cho bổ ngữ

2.1. *Thế/Vậy* có thể thay cho một bổ ngữ là một ngữ vị từ. Xét lại hai ví dụ (1) và (2) ở trên:

(1) A: – Tôi rất thích ngắm cảnh mặt trời lặn.

B: – Tôi cũng thế/vậy. (= Tôi cũng “rất thích ngắm cảnh mặt trời lặn”)

B': – Tôi cũng thích thế/vậy. (= Tôi cũng thích “ngắm cảnh mặt trời lặn”)

(2) A: – Tôi nghĩ là anh ấy sẽ không đến.

B: – Tôi cũng thế/vậy. (= Tôi cũng “nghĩ là anh ấy sẽ không đến”)

B': – Tôi cũng nghĩ thế/vậy. (= Tôi cũng nghĩ “anh ấy sẽ không đến”)

Ở (1B), *thế/vậy* thay thế cho toàn bộ phần thuyết: “rất thích ngắm cảnh mặt trời lặn”, trong khi ở (1B') nó chỉ thay thế bổ ngữ-ngữ vị từ của phần thuyết: “ngắm cảnh mặt trời lặn”. Trường hợp (2) cũng tương tự: ở (2B) *thế/vậy* thay cho “nghĩ là anh ấy không đến”, trong khi ở (2B') nó chỉ thay cho “anh ấy sẽ không đến”. Tuy nhiên, cả hai phạm vi thay thế như trên (thay thế cho cả phần thuyết và thay thế cho bổ ngữ-ngữ vị từ) không dẫn đến sự khác biệt đáng kể nào về mặt ngữ nghĩa.

2.2. Tiếp theo, chúng ta thử khảo sát khả năng hồi chỉ của *thế/vậy* cho thành phần bổ ngữ là một ngữ danh từ của phát ngôn trước. So sánh:

(7) a. (– Cô ấy chỉ ăn một chén cơm). – Ăn thế/vậy (= “một chén cơm”) thì yếu sức là phải.

b. Cô ấy chỉ ăn một chén cơm. Nhưng trong chén cơm đó đây áp thức ăn.

Câu (7a) cho thấy *thế/vậy* có thể thay thế cho một danh ngữ chứ không phải nó chỉ “chuyên thay cho những câu, những tiểu cú, những vị ngữ” (CXH). Thậm chí, nếu so sánh (7a) và (7b) một cách nghiêm ngặt, thì phải đi đến kết luận rằng khả năng thay thế thực sự cho một danh ngữ là của *thế/vậy* chứ không phải là của những yếu tố *này, ấy, đó*. Ở ngữ cảnh (7a), *thế/vậy* thay thế trọn vẹn cho “một chén cơm”; trong khi ở (7b), *đó* không thể thay thế cho bất cứ một yếu tố nào trong phát ngôn trước, nó chỉ làm nhiệm vụ (định từ) chỉ trỏ, cả danh ngữ “chén cơm đó” mới có khả năng thay thế.

Về ngữ nghĩa, “chén cơm đó” hỏi chỉ cái “chén cơm” được đề cập trong phát ngôn trước (câu (7b)). Trong khi đó, ở (7a) “ăn thế” không được hiểu là ăn “chén cơm đó” mà chỉ được hiểu là “ăn ít”. Trong trường hợp này, về hình thức, *thế/vậy* thay thế cho một thực thể, nhưng về nội dung lại không hỏi chỉ thực thể đó. Có lẽ vì vậy, Trần Ngọc Thêm (1985) gọi nó là “đại từ hỏi chỉ cách thức”.

Thực ra, cái “cách thức” vừa nói không hề tồn tại trong phát ngôn đi trước. Nếu cho rằng *thế/vậy* hỏi chỉ “cách thức” thì phải thừa nhận rằng có một thao tác trung gian của quá trình hỏi chỉ diễn ra trong tư duy của người phát ngôn: “ăn một chén” → “ăn ít”; nghĩa là “(ăn) thế” không hỏi chỉ trực tiếp “(ăn) một chén cơm” mà hỏi chỉ cái thông tin (về cách thức, số lượng, mức độ, v.v.) mà người phát ngôn tiếp nhận và suy ra được từ nội dung phát ngôn đi trước³.

Thử xét một trường hợp khác: Với một phát ngôn, chẳng hạn như “Bạn Nam học tiếng Anh ba mươi phút mỗi ngày”, chúng ta có thể có hai lời đáp như sau:

(8) a. *Học thế/vậy thì làm sao mà không giỏi được!*

b. *Học thế/vậy thì làm sao mà giỏi được!*

Ở câu (8a), người nói cho rằng Nam học nhiều (đúng ra là học đều đặn); trong khi đó, ở (8b), người nói lại cho rằng Nam học ít. *Thế/vậy* trong (8a), (8b) cùng hỏi chỉ một nội dung của phát ngôn trước (nội dung này không thay đổi: “ba mươi phút mỗi ngày”), và không có hàm nghĩa. Chính cấu trúc của cả phát ngôn, đặc biệt là thành phần còn lại và các yếu tố tình thái, đã đem đến hàm nghĩa “ít”/ “nhiều”, dựa vào quá trình suy ý của cả hai bên tham gia hội thoại. Nghĩa là chính ngữ đoạn “làm sao mà không giỏi được” cho phép hiểu “học vậy” là học nhiều/đều đặn (8a), ngữ đoạn “làm sao mà giỏi được” cho phép hiểu “học vậy” là học ít (8b); đó chính là kết quả suy ý tự nhiên chứ không phải bản thân “học vậy” là học nhiều hay học ít.

³ Câu (7a) được hiểu là hai lượt lời của hai nhân vật tham gia giao tiếp (người nói và người nghe), hoặc là hai phát ngôn liên tục của cùng một người nói thì tình hình cũng không có gì thay đổi.

3. *Thế/vậy* thay cho câu

3.1. Trong các đại từ có chức năng liên kết, cũng có một số đại từ có chức năng thay cho câu (đó là các đại từ *đây, đấy, đó, kia, đâu, nào, sao* và *thế/vậy*), nhưng khả năng kết hợp với liên từ tạo thành các ngữ đoạn có vai trò như thành phần chuyển tiếp thì ngoài từ *đó* ra chỉ có *thế/vậy*.

Thế/vậy kết hợp với các liên từ như *tuy, vì, nhưng, rồi* tạo thành các tổ hợp *tuy thế/vậy, vì thế/vậy, thế/vậy mà, thế/vậy nhưng, thế rồi*. Trong liên kết câu, có thể xem chúng là các thành phần chuyển tiếp, nhưng nghĩa của tổ hợp này thực chất vẫn là nghĩa của liên từ cộng với nội dung của phát ngôn mà *thế/vậy* hời hợt. Ta có thể dễ dàng kiểm nghiệm được điều này.

- (9) *Lục bình làm sông trở nên dịu dàng, sâu sắc. Dù vậy, nhiều người vẫn chê lục bình. (Nguyễn Ngọc Tư - Lục bình)*

(“Dù vậy” = “Dù lục bình làm sông trở nên dịu dàng, sâu sắc”)

Các tổ hợp vừa nói được dùng để tách các câu ghép để tạo hiệu ứng trong diễn đạt hoặc làm cho câu trở nên ngắn gọn hơn, ít đáng về của một biểu thức logic hơn.

Trần Ngọc Thêm (1985) cho rằng những kết hợp này có xu hướng cố định hoá song sự có mặt của đại từ vẫn được nhận thức rất rõ. Điều này phản ánh đặc trưng phân tiết tính của tiếng Việt và khu biệt nó với các ngôn ngữ Ấn Âu: các đơn vị tương ứng ở những ngôn ngữ này mặc dù cũng có nguồn gốc “từ nối + đại từ” song đã hoá thành một khối cố định chặt chẽ, thậm chí đã thay đổi trật tự các yếu tố (ss: “From there” và “Therefrom”) [2: 207].

Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, về mặt ứng dụng cần vạch ranh giới ngữ pháp rạch ròi giữa hai yếu tố cấu thành tổ hợp (chỉ rõ quan hệ cú pháp giữa liên từ và đại từ trong tổ hợp), và không nên trình bày ngữ đoạn kiểu này theo xu hướng “cố định hoá” – điều mà bản thân cách đối dịch thường xuất hiện trên các tài liệu dạy tiếng (*nevertheless, however, for this reason, hence, so, consequently, accordingly, correspondingly, therefore, thus, as a result, but, yet, v.v.*) cũng đủ gây nhầm lẫn.

Về vị trí, việc đứng trước hay sau liên từ của *thế/vậy* phụ thuộc vào vị trí của thành phần mà nó thay thế trong câu; nghĩa là phụ thuộc vào cấu trúc ngữ pháp-ngữ nghĩa của cả phát ngôn – điều mà cách giải thuyết “cố định hoá” có thể vô hình trung làm mờ đi. Có thể xếp chúng thành 2 nhóm:

+ Nhóm [liên từ + đại từ]: *tuy vậy/thế, mặc dù vậy/thế, dù vậy/thế, nếu vậy/thế, bởi vậy/thế, nhờ vậy/thế*

(10) a. *Hôm đó có nhiều người rơi nước mắt, vì vậy mà vụ trộm không được lên ti vi. (Nguyễn Ngọc Tư - Cái ơi)*

b. *Lăng Thế là chợ quê, bằng Mỹ Tho sao được? Nếu vậy thì buồn lắm. (Hồ Biểu Chánh - Vì nghĩa vì tình)*

c. *Nhà máy thiếu nguyên liệu và nhân công. Dù vậy sản phẩm của nhà máy vẫn không giảm.*

+ Nhóm [đại từ + liên từ]: *thế/vậy mà, thế/vậy nên, thế/ vậy là, thế/vậy thì*⁴

(11) a. *Bởi lúc này là lúc sum họp đây. Vậy mà sao vẫn thấy thiếu một người.*

b. *Nhà máy thiếu nguyên liệu và nhân công. Thế nên sản phẩm của nhà máy ngày một giảm.*

c. *Mình chờ cô ấy đã hơn một tiếng đồng hồ. Vậy là cô ấy không đến rồi.*

d. *Ngày mai được nghỉ. Thế thì mình đi Vũng Tàu chơi đi.*

Nội dung của các tiểu cú sau các tổ hợp ấy thường là những kết quả thuận/ngịch được rút ra từ những nội dung được hỏi chỉ trước đó. Bản chất ngữ pháp và ngữ nghĩa của cả hai nhóm không có gì khác biệt, chỉ có điều là quan hệ giữa các thành phần trong phát ngôn có chứa nhóm [đại từ + liên từ] có phần phức tạp hơn, do sự vắng mặt của các chỉ tố biểu thị quan hệ logic đứng trước (tức các liên từ *nếu, dù, tuy, vì, v.v.*).

⁴ Ở đây chúng tôi tạm gọi hai yếu tố *là/thì* là liên từ để tiện trình bày. Trên thực tế, khi xuất hiện trong cấu trúc “*Vậy là...*”, “*Thế thì...*”, *là/thì* vẫn là hai tác tố đánh dấu đề-thuyết. Điều này sẽ thể hiện trong phần tiếp sau.

(12) a. (*– Em đã quét nhà xong.* – *Thế/vậy là rất tốt.* (Dẫn theo CXH, trang 196)

b. *Chúng ta đi bằng xe máy, mỗi người một chiếc. Vậy là tốt nhất.*

c. *Máy chạy liên tục 3 tiếng mà không nóng. Vậy đúng là máy thật.*

Ngoài ra, có một biểu hiện khác của điều vừa trình bày: các cặp phó từ như *có... mới..., phải... mới..., đã... lại..., không những... mà còn...,* cũng có thể có các từ hỏi chỉ ở về trước:

(13) *Thầy Phùng Xuân làm tờ giao nó cho cậu Ba. Có vậy nên tôi mới bắt được chó.*

Cần chú ý là các liên từ thứ hai trong cặp hô ứng không kết hợp với các đại từ (không nói *nên vậy, nhưng vậy, mà còn vậy*). “Nguyên nhân của hiện tượng này nằm ở quy luật phát triển chủ đề của văn bản” [2: 184]. Phần đề thường là cái đã biết nên có thể được thay thế bằng đại từ, còn phần thuyết thường là cái mới nên không thể thay thế bằng đại từ được.

Như vậy, trong hội thoại lẫn trên văn bản, khi đứng một mình ở đầu câu, *thế/vậy* cần được nhận diện trong quan hệ với lượt lời đã xuất hiện trước đó:

(14) a. *Vậy anh tính sao?* (= “*Nếu vậy thì anh tính sao?*”)

b. *Muộn rồi! Vậy tôi không đi nữa!* (= “*Vì vậy nên tôi không đi nữa!*”)

Liên quan đến hoạt động của *thế/vậy* như vừa nói, cũng cần lưu ý rằng một ngữ đoạn gồm [danh từ + *này/kia/ấy/đó*] hoặc một đại từ thuộc nhóm [*này/kia/ấy/đó*] có thể đảm đương vai trò hỏi chỉ một sự tình. Chẳng hạn, với vd (12a) (*– Em đã quét nhà xong.* – *Thế/vậy là rất tốt.*), có thể thay *thế/vậy* bằng danh ngữ “Việc đó”/“Đó” nhưng phát ngôn mới (“*Việc đó là rất tốt*”, “*Đó là một việc rất tốt*”) là một cấu trúc định tính chứ không còn là một cấu trúc logic nữa.

3.2. *Thế/vậy* có thể thay cho câu trước để làm bổ ngữ:

- (15) a. *Bằng rút gươm. Thấy thế, Công lù hai bước thủ thế. (thấy “thế” = thấy “Bằng rút gươm”)*

(Dẫn theo Cao Xuân Hạo, trang 196)

- b. *Nó xiêu lạc mấy năm nay mà cũng không quên nhau rún. Con như vậy mà không nhớ sao cho được.*

(Hồ Biểu Chánh - Vì nghĩa vì tình)

- c. *Huệ không tin, nó biết mình rần rỗi lắm, sức mấy mới khóc. Té ra không phải vậy...*

(Nguyễn Ngọc Tư - Huệ lấy chồng)

Trong các câu trên, ta thấy *thế/vậy* hỏi chỉ cho câu đứng trước nó, và làm bổ ngữ cho vị từ trong phát ngôn đi sau. Vị trí của *thế/vậy* luôn đi sau vị từ, giống như khi nó hỏi chỉ cho thành phần bổ ngữ đã nói ở mục trên. Tuy nhiên, cần chú ý là *thế/vậy* là một đại từ có thể dễ dàng đóng vai trò bổ ngữ (dù thay thế cho phần thuyết, cho bổ ngữ hay cho câu đi trước) xuất hiện sau vị từ, trong khi nó hầu như không thể đứng ở vị trí đầu câu để làm đề/chủ ngữ, trừ trường hợp nó nằm trong quan hệ logic như đã nói ở mục 3.1. Xét các câu sau:

- (16) a. *Tôi phải hoàn thành công việc trước tháng sáu. Ông giám đốc nói với tôi như thế/vậy.*

- b. *Tôi phải hoàn thành công việc trước tháng sáu. *Thế/vậy làm tôi bị một áp lực rất lớn.*

Câu (16a) là câu đúng ngữ pháp vì *thế/vậy* đóng vai trò bổ ngữ. Trong khi (16b) là câu sai vì *thế/vậy* không thể đóng vai trò đề/chủ ngữ. Để thực hiện hỏi chỉ trong trường hợp tương tự, cần sử dụng một ngữ đoạn hỏi chỉ bằng các danh từ trống nghĩa (*điều, việc, chuyện, cái, thứ, lời, v.v.*) kết hợp với từ chỉ xuất *này, ấy* hoặc *đó*. Chẳng hạn: “*Điều này làm tôi bị một áp lực rất lớn*”.

Tương tự với trường hợp thay thế phần thuyết (vd (6)), khi thay thế cho cả câu, *thế/vậy* có thể kết hợp với các danh từ có nghĩa khái quát để tạo thành một danh ngữ khái quát hóa nội dung của câu được thay thế.

(17)a. *Các nước Ả Rập thì muốn độc lập hơn với Mỹ, Nga thì muốn tăng cường ảnh hưởng ở các nước Trung Đông. Trong **tình hình** như thế, Mỹ không thể bỏ Iraq.*

b. *Họ đòi lãi 15%, lại bắt tôi chịu phí dịch vụ. Với **điều kiện** như vậy, làm sao tôi chịu được?*

Trong khả năng này, chúng ta có thể dùng *này, ấy, đó* để tạo ngữ đoạn hỏi chỉ, và về chức năng ngữ pháp, ngữ đoạn này đóng vai định ngữ cho danh từ đi trước (“tình hình đó”, “điều kiện này”). Nhưng ở đây có một sự khác biệt lớn: *thế/vậy* không trực tiếp làm định ngữ cho danh từ đi trước như *này, ấy, đó* mà cả ngữ đoạn *như thế/vậy* mới đảm đương vai trò định ngữ. Nghĩa là *thế/vậy* vẫn là bổ ngữ của vị từ *như*. Chúng tôi cho rằng những ngữ đoạn có sự kết hợp trực tiếp [N + *thế/vậy*] là những biểu hiện mang tính khẩu ngữ. Ví dụ:

(17) c. *Căn nhà đó có 20m², không có điện, nước. Một **căn nhà** vậy, 50 cây là mắc.*

d. *Chị Thế nắm tay, nhìn tôi chưa xót, còn anh Tư Hải trầm ngâm ngậm một bụm khói thuốc, quay mặt thờ dài. Nhìn **thái độ** anh chị vậy, tôi tính điếu này chắc mình phải buồn một chút. (Nguyễn Ngọc Tư - Nhà cổ)*

3.3. Ngoài ra, *thế/vậy* (hỏi chỉ cho lượt lời trước) kết hợp với từ nghi vấn sẽ tạo thành những biểu thức (có tính ổn định tương đối) có tác dụng duy trì hội thoại (thông qua hình thức nghi vấn, yêu cầu xác nhận lại thông tin vừa nghe):

(18)a. – *Hỏi chiều má con không nấu cơm.*

– *Vậy sao?*

b. – *Má con nằm trên giường thờ dài.*

– *Vậy hả? (Nguyễn Ngọc Tư - Cánh đồng bất tận)*

4. Thế/Vậy thay cho chuỗi câu hoặc đoạn văn

Thế/vậy cũng có thể thay cho chuỗi câu. Ba đoạn văn dưới đây trích từ truyện ngắn “Vì nghĩa vì tình” của Hồ Biểu Chánh và “Nhớ sông” của Nguyễn Ngọc Tư sẽ cho thấy điều đó:

(19) a. *Chánh Tâm được sum hiệp với vợ con, tuy chàng không lộ cái vẻ mừng của chàng cho ai thấy, nhưng mà chàng ngồi cứ ngó vợ rồi ngó con mà cười hoài. Lâu lâu chàng ngoắt con lại gần rồi ôm mặt nó mà hun, hoặc chàng lại đứng một bên vợ mà coi vợ may áo cho con bận. Chàng hưởng thú hoà hiệp êm ái như vậy đó.*

(Vậy hồi chỉ cho 2 câu trước đó)

b. *Đó là lúc ông, tức ba tôi chống cây gậy khật khùng lang thang xuống bến. Ông dừng lại chỗ có mấy cây tra, lấy tay rờ rẫm, sẫm soi từng cái lá, cái bông như tay bắt mặt mừngthằng bạn lâu năm mới gặp. Rồi ông lần ra tới đầu bến, đứng dưới hàng mắm già ngày xưa ông trồng để giữ cho đất khỏi lở, để mặc cho mấy cái hoa nắng vàng xơ rơ đậu xuống cái đầu húi cua, bạc trắng của mình, ông già tha thiết nhìn ra sông. Chỉ vậy thôi rồi khật khùng quay lên...*

(Vậy hồi chỉ cho 3 câu trước đó)

c. *... thế nào cũng nhắc chuyện... chuyện Thường đạp xe chở Hậu đi dưới pháo hoa. Mỗi tình đẹp nhưng cũng nhiều trắc trở, mấy bạn Thường tránh đi vì dư luận đồn đãi... là mấy lần Hậu tắt tả giữ người yêu lại “Người ta nói gì kệ họ, em tin anh”.*

Vậy mà bây giờ lạnh lẽo, tan hoang như giông sau bão.

(Vậy hồi chỉ cho đoạn văn trước đó)

Bằng sự có mặt của đại từ hồi chỉ *thế/vậy*, các kết ngữ trở nên ngắn gọn, tiết kiệm hơn, quan hệ giữa kết ngữ và các câu trước được hình thành một cách chặt chẽ.

5. *Thế/Vậy thay cho một suy ý*

Xét ví dụ sau:

(20) *Bà mẹ cũng cười hạnh phúc khi con được nhiều người yêu thương như một đứa trẻ bình thường. Mặt trời cũng rạng rỡ cỡ vậy là cùng... (Nguyễn Ngọc Tư - Những thiên thần mắc đoạ)*

Trong câu (20) *vậy* không thể thay thế cho từ nào, câu nào đứng trước nó nhưng ta vẫn thấy có một sự liên kết chặt chẽ với câu trước. Sở dĩ như vậy là do ý nghĩa hồi chỉ của nó. Người đọc buộc phải giải mã nghĩa của câu sau bằng sự suy ý (inference) hay sự liên tưởng (association) được gọi ra từ các yếu tố đã được đề cập trong câu trước đó. Nghĩa là *vậy* vẫn đóng vai trò đại từ hồi chỉ, nhưng đối tượng được hồi chỉ lại là kết quả của quá trình suy ý, liên tưởng hình thành từ văn cảnh phía trước. Thậm chí, có khi *thế/vậy* còn hồi chỉ những sự kiện được suy ra từ một chuỗi các sự kiện đã trình bày bằng rất nhiều câu, đoạn trong văn bản. Chẳng hạn trong ví dụ sau đây, *vậy* liên kết hàng loạt sự kiện, chi tiết có mặt rải rác ở nhiều đoạn văn trước:

(21) *Con vợ mày hồi trước nó khôn nạn lắm nên trời mới khiến nó chết như vậy đó. (Hồ Biểu Chánh - Cha con nghĩa nặng)*

Về mặt ứng dụng, có lẽ cần phân biệt quá trình suy ý này với quá trình suy ý thể hiện ở những trường hợp đã được đề cập ở mục (2.1). Ở trường hợp trên kia, về ngữ pháp hoàn toàn có thể “phục hồi” thành phần (bổ ngữ) được *thế/vậy* thay thế bằng chính ngữ đoạn có mặt ở văn cảnh đi trước (Vd (7a): “ăn thế” → “ăn một chén cơm”). Trong khi đó, ở trường hợp đang bàn, chúng ta không thể tìm ra một kết cấu nào có thể “phục hồi” ở vị trí của *vậy*, dù rằng văn cảnh trước đó đã cung cấp “dữ liệu” cho quá trình suy ý.

6. *Thế/Vậy làm đại từ khứ chỉ trong liên kết câu*

Theo Cao Xuân Hạo “những phương tiện liên kết một câu với văn cảnh tiếp theo sau là những yếu tố khứ chỉ” [1: 200]. Cũng theo ông, trong tiếng Việt, yếu tố khứ chỉ chính danh là định từ *này* và đại từ *đây*, vốn cũng là những yếu tố hồi chỉ.

Qua tư liệu, chúng tôi nhận thấy rằng, đại từ *thế/vậy* có khi được dùng như một yếu tố khứ chỉ, tương tự với đại từ *này* và *đây*:

(22) a. *Năm nào cũng vậy, nghỉ hè là tôi về thăm quê.*

b. *Cha tính như vậy, để cha nói cho con nghe thử coi được hay không. Cha tính thôi để cha xuống Lăng Thế hoặc Ba Si. (Hồ Biểu Chánh - Cha con nghĩa nặng)*

Để nhận diện được tính khứ chỉ của *thế/vậy* chúng ta cần căn cứ vào ngữ cảnh, nó báo trước sự xuất hiện bắt buộc ít nhất của một câu sau.

Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ thì tình hình không phải là như vậy. Ở câu (22a), việc “về thăm quê” khi “nghỉ hè” có thể là sự kiện luôn luôn đúng trong tương lai lâu dài, nhưng *vậy* trong “năm nào cũng vậy”, theo chúng tôi, không quy chiếu những gì chưa xảy ra mà chỉ quy chiếu cho những năm trước đó, nghĩa là *vậy* vẫn mang nghĩa hồi chỉ. Điều này sẽ lộ rõ hơn nếu chúng ta thêm vào câu trên một ngữ đoạn, chẳng hạn: “... Nhưng năm nay tôi sẽ không đi”. Ở câu (22b), chúng tôi cho rằng có một sự nhầm lẫn về chính tả giữa *vậy* và *vậy*. Trên thực tế, theo chúng tôi, *vậy* là một yếu tố khứ chỉ chính danh, thường đứng sau để làm bổ ngữ cho vị từ (khác với *này* và *đấy*). Trong các tiểu thuyết chương hồi đầu thế kỷ XX (chẳng hạn của “Tín đức thư xã”) *vậy* khứ chỉ rất phổ biến. ví dụ:

(23) a. *Nghiêm Tử Lăng* tâu rằng: “*Chúa công* hãy nghe theo lời tôi mà điều binh khiển tướng như **vậy**... như **vậy**... thì lo chi chẳng trọn thắng”. *Quan Võ* nghe sắp đặt như vậy thì cả mừng và khen rằng (...)

b. Trong chiến thơ nói như **vậy**: “Ta có nghe rằng (...)”.

c. Có thơ khen *Đặng Võ* như **vậy**: “*Gửi* bước non xanh trót mấy đồng (...)”

(*Đông Hôn diễn nghĩa*, Tập 1, NXB Tổng hợp Đồng Tháp in lại, 1991)

B. THẾ/VẬY TRONG LIÊN KẾT CÁC TÌNH HUỐNG NGOÀI VĂN BẢN

Cũng như các đại từ khác, *thế/vậy* không chỉ có chức năng thay thế. Vì vậy, chúng ta cần phân biệt *thế/vậy* trong chức năng liên kết văn bản với *thế/vậy* trong hội thoại trực tiếp.

Trong hội thoại trực tiếp, người ta thường dùng *thế/vậy* để chỉ cái hiện thực đang ở trước mắt người tham gia hội thoại. Với chức năng sau, *Từ điển ngữ pháp tiếng Việt cơ bản* có đưa ra một tình huống sử dụng *vậy* và một tình huống sử dụng *thế*:

Tình huống A: Bé Mai vẽ con chó có cái đầu rất to. Anh bé Mai nhìn thấy và nói: “Em vẽ vậy không đẹp đâu”. [4: 404]

Tình huống B: Tân nấu cơm. Anh cho thật nhiều nước vào nồi. Vợ anh nói: “Anh làm thế không được đâu”. [4: 356].

Trong cả hai trường hợp trên, *thế/vậy* không thể là một từ hỏi chỉ để tạo mạch lạc trong văn bản. Bởi vì nó không được dùng để thay thế một thành phần nào trong văn cảnh trước đó. Trong tình huống A, *vậy* chỉ cách mà bé Mai vừa vẽ. Trong tình huống B, *thế* được dùng để chỉ việc Tân cho thật nhiều nước vào nồi. Bối cảnh làm tiền đề cho phát ngôn là bối cảnh phi ngôn từ. Theo Chafe, người nói và người nghe có thể chia sẻ cùng một kiến thức trong bối cảnh phi ngôn từ ấy. Bối cảnh đó là những sự việc mà cả hai người tham gia hội thoại cùng chứng kiến.

Từ điển tiếng Việt (1988) cũng đã giải thích về *thế/vậy* như sau: “từ dùng để chỉ điều như hoặc coi như đã biết vì đang là thực tế ở ngay trước mắt” [5: 965].

Theo quan sát của chúng tôi, ở cách dùng này, *thế/vậy* thường đi với những vị từ biểu thị thuộc tính của sự vật hoặc hành động/quá trình hoặc ít nhất cũng tiềm tàng khả năng xuất hiện các vị từ này, vì đây chính là những yếu tố giúp phân lập và xác định sự vật/sự tình đang được đề cập (nếu không thì người nói buộc phải sử dụng các từ chỉ xuất khác như *này, đó, kia*). So sánh:

- (24) a. Nhà như vậy thì chắc chắn là giá cao rồi.
- b. Nhà đẹp (như) vậy thì chắc chắn là giá cao rồi.
- c. Nhà được thiết kế (như) vậy thì chắc chắn là giá cao rồi.
- d. Nhà đó/này thì chắc chắn là giá cao rồi.

Vậy ở đây cũng không phải là từ hỏi chỉ, nó được dùng trực chỉ để “chỉ định” cái “nhà” đang ở trước mắt người nói và người nghe.

Trần Ngọc Thêm cho đây cũng là một loại liên kết, nhưng là “liên kết khiếm diện”, chỉ phổ biến trong khẩu ngữ. Chính vì vậy, theo ông, chỉ có những người có mặt tại toạ độ giao tiếp mới hiểu hết được nội dung các lời thoại, bởi chỉ có họ mới xác định được các chủ tố nằm ngoài lời nói của những đại từ được sử dụng [2: 175]. Chúng tôi cho

rằng đây là một cách nói thể hiện “áp lực của hệ thống”. Bởi vì liên kết bao giờ cũng là liên kết hai hoặc nhiều yếu tố với nhau, hơn nữa ở đây lại càng không thể nói đến “liên kết văn bản”. Chính vì vậy, trong chừng mực nào đó, nếu có sự liên kết thì không phải là liên kết “khiếm diện” mà là *liên kết tình huống*: người nói dùng *thế/vậy* để gắn (= liên kết) phát ngôn của mình với tình huống trước mắt (thực ra là sự vật/sự tình).

Với nghĩa này, *thế/vậy* được sử dụng trong một số cấu trúc hỏi rất quen thuộc với người Việt:

- (25) *Mẹ ơi, con cá gì mà có cái mỏ dài quá vậy, thằng con chỉ tay vào con vịt, hỏi. (Nguyễn Ngọc Tư - Món nợ không thể đòi)*

Cấu trúc câu hỏi như sau: “...**gì mà X thế/vậy?**”. Kiểu câu hỏi này thường được sử dụng khi người nói thấy trước mắt mình hoặc cho rằng người nghe đã biết về một sự vật/sự kiện nào đó (thằng bé thấy “con cá có mỏ dài”), và muốn đặt câu hỏi về cái thực thể mang thuộc tính được chỉ định bằng *vậy*.

Ngoài ra, còn có các cấu trúc tương tự như “**sao V – X thế/vậy?**”, “**... đâu mà X thế/vậy?**”, “**ai mà X thế/vậy?**”.

Những điều vừa trình bày cho phép mở ra một hướng giải thích có hệ thống cho một hiện tượng ngữ pháp thuộc vào loại khó của tiếng Việt:

- (26) a. *Chị đi đâu vậy?*
b. *Sao anh làm vậy?*
c. *Hôm qua sao chị về sớm vậy?*

Những câu hỏi trên có thể dùng để hỏi một sự tình đang diễn ra hoặc đã diễn ra rồi. Tất cả đều gắn với cái quy chiếu trước mắt người tham gia hội thoại hoặc không ở trước mắt nhưng cả hai bên hội thoại đều được xem là đã biết. Như vậy, cũng có thể hỏi cả về những sự tình thuộc về tương lai, nhưng cái tương lai đó nằm trong kế hoạch/dự kiến mà cả hai đã biết.

- (27) a. *Anh định sẽ tổ chức thế nào vậy?*
b. *Bao giờ thì việc đó xong vậy?*

Thế/vậy trong loại câu hỏi này được người Việt tri nhận tương tự như *thế/vậy* trong các câu hỏi chỉ:

(28) a. – Vợ nó bỏ nó rồi.

– Sao vậy? (Hồ Biểu Chánh - *Cha con nghĩa nặng*)

b. – Bây giờ vợ em nó cũng không thương em nữa, nó đã bỏ em mà đi lấy chồng khác rồi.

– Mấy lần cậu dắt mợ xuống đây, tôi coi bộ mợ thương cậu lắm mà, sao bây giờ cậu nói cái gì lạ quá vậy?

(Hồ Biểu Chánh - *Cha con nghĩa nặng*)

KẾT LUẬN

Đại từ nói chung và *thế/vậy* nói riêng, là một nhóm từ không lớn xét về mặt số lượng, nhưng nó thực hiện chức năng đặc biệt quan trọng, đó là chức năng hỏi chỉ những điều đã được nói đến trước đó nhằm tạo sự mạch lạc văn bản, đồng thời nó cũng thực hiện chức năng liên kết để gắn phát ngôn với thực tế trước mắt (hoặc đã biết) của người tham gia hội thoại. Bởi những chức năng quan trọng đó, nó được sử dụng với tần số rất cao trong ngôn bản và văn bản.

Chúng tôi hy vọng rằng những điều trình bày trong bài viết sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức để viết đúng một đoạn câu tiếng Việt và xa hơn nữa là tạo điều kiện cho họ viết được những văn bản tương đối hoàn chỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo, 1991, Tiếng Việt- Sơ thảo ngữ pháp chức năng, quyển 1, NXB Khoa học Xã hội.
2. Trần Ngọc Thêm, 1985, Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. NXB Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Chí Hoà, 2004, Ngữ pháp tiếng Việt thực hành, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
4. Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), 2001, Từ điển ngữ pháp tiếng Việt cơ bản, NXB Đại học Quốc Gia TP HCM.
5. Hoàng Phê (CB), 1988, Từ điển tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội.

(Bài đã đăng trên *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1/2010)